TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 19 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Bản án số: 23/2026/HNGĐ-ST Ngày: 27-3-2026 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con tranh chấp về cấp dưỡng cho con	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 19 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Tâm;

Ông Nguyễn Văn Độ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Ngọc Tuyết – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở, Tòa án nhân dân Khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 08/2026/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2026 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, tranh chấp về cấp dưỡng cho con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2026/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Ngưu Thị Khánh L, sinh năm 1990; nơi thường trú: Tổ H, ấp T, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Ngưu Minh C, sinh năm 1983; nơi cư trú: Tổ H, ấp T, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 11 năm 2025 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Ngưu Thị Khánh L trình bày:

Về hôn nhân: Bà L và ông Ngưu Minh C, chung sống năm 2007, không tổ chức lễ cưới, đến năm 2009 mới đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương nay là Ủy ban nhân dân xã P, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 44/2009 do Ủy ban nhân dân xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương cấp ngày 28/3/2009. Hôn nhân tự nguyện.

Quá trình chung sống có 02 con chung tên: Ngưu Thị Khánh L1, sinh ngày 22/01/2007 và Ngưu Minh T, sinh ngày 27/10/2018, cháu T hiện đang sống chung

với ông Ngưu Minh C tại tổ H, ấp T, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh. Riêng cháu L1 đã trưởng thành.

Về tài sản chung: có tài sản chung là 01 căn nhà cấp 4 có diện tích 100m^2, đất nhà tọa lạc tại tổ H, ấp T, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh. Tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Nguyên nhân mâu thuẫn do ông C quá trình chung sống không có trách nhiệm với vợ con, không phụ giúp chi tiêu trong gia đình, mọi chi phí, sinh hoạt và học hành của các con đều do bà L đi làm và chi trả. Vợ chồng đã không còn sống chung từ tháng 11 năm 2022 cho đến nay.

Nay, bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về hôn nhân: bà L yêu cầu ly hôn với ông C;

Về con chung: Bà L yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ngưu Minh T, sinh ngày 27/10/2018, yêu cầu ông C cấp dưỡng cho con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu T trưởng thành đủ 18 tuổi. Cháu Ngưu Thị Khánh L1, sinh ngày 22/01/2007 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà L hiện làm công nhân tại huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, thu nhập trung bình mỗi tháng khoảng 9.000.000 đồng.

Ông C làm công việc tự do, thu nhập không ổn định, thu nhập trung bình khoảng 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng, bị đơn ông Ngưu Minh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, bị đơn không gửi văn bản trình bày ý kiến về việc yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con của nguyên đơn và cũng không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Ngưu Thị Khánh L vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Ngưu Minh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều từ 26 đến Điều 40 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các Điều từ 93 đến 97 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của Thẩm phán được quy định tại Điều 48 và khoản 2 Điều 203 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 63, 239, 243, 249, 258, 260 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Thư ký tuân theo Điều 51 và Điều 237 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt theo khoản 1 Điều 228, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Bà L và ông C chung sống với nhau từ năm 2007. Việc chung sống là do hai người tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương (nay là Ủy ban nhân dân xã P, Thành phố Hồ Chí Minh) vào năm 2009. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, trong quá trình chung sống về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường bất đồng quan điểm và hay cãi nhau, không hợp nhau. Tình cảm vợ chồng bị rạn nứt và không còn hàn gắn được nữa. Hiện tại cuộc sống của hai vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Cả hai đã không còn sống chung từ tháng 11/2022 cho đến nay. Quá trình chung sống có 02 con chung.

Quá trình làm việc, bà L trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, ông C thiếu trách nhiệm đối với gia đình, không quan tâm, chia sẻ trong việc chăm sóc gia đình cũng như kinh tế. Cả hai không còn sống chung từ tháng 11/2022 cho đến nay. Vợ chồng có 02 con chung tên Ngưu Thị Khánh L1, sinh ngày 22/01/2007 và Ngưu Minh T, sinh ngày 27/10/2018. Đối với cháu L1 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà L yêu cầu nuôi con chung là cháu Ngưu Minh T, sinh ngày 27/10/2018 và yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi

con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông C được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên không ghi nhận được ý kiến của ông C về hôn nhân và con chung.

Cháu Ngưu Minh T, sinh ngày 27/10/2018, có nguyện vọng được sống cùng mẹ.

Nhận thấy hôn nhân giữa bà L và ông C có mâu thuẫn không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, hạnh phúc không còn. Quá trình giải quyết vụ án, ông C mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, thể hiện không có thiện chí trong việc hàn gắn và duy trì quan hệ hôn nhân. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc xin ly hôn.

Về con chung: Theo nguyện vọng của cháu Ngưu Minh T, sinh ngày 27/10/2018 muốn sống cùng mẹ khi ba mẹ ly hôn. Căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao con chung tên Ngưu Minh T, sinh ngày 27/10/2018 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp quy định pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của con. Căn cứ mức lương tối thiểu vùng và điều kiện thực tế của các bên, chấp nhận yêu cầu của bà L, buộc ông C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Ngưu Minh T với mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân Khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Ông Ngưu Minh C có nơi cư trú tại tổ H, ấp T, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

[1.2] Quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Ngưu Thị Khánh L khởi kiện ông Ngưu Minh C, yêu cầu ly hôn, yêu cầu nuôi con chung, yêu cầu ông C cấp dưỡng cho con, do đó quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn, tranh chấp về nuôi con, tranh chấp về cấp dưỡng cho con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.3] Sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Bà Ngưu Thị Khánh L và ông Ngưu Minh C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về hôn nhân: quan hệ hôn nhân giữa bà Ngưu Thị Khánh L và ông Ngưu Minh C là hôn nhân hợp pháp. Bà L yêu cầu ly hôn ông C do vợ chồng mâu thuẫn kéo dài không thể hàn gắn, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho nhau, hiện không còn sống chung với nhau. Có cơ sở xác định hôn nhân của bà L, ông C lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Bà L yêu cầu ly hôn với ông C là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Bà Ngưu Thị Khánh L và ông Ngưu Minh C có 02 con chung là cháu Ngưu Thị Khánh L1, sinh ngày 22/01/2007 và Ngưu Minh T, sinh ngày 27/10/2018, bà L yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T, yêu cầu ông C cấp dưỡng cho cháu T mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu T trưởng thành đủ 18 tuổi. Riêng cháu L1 đã trưởng thành đủ 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét, cháu T có nguyện vọng được sống chung với bà L, đồng thời bà L có nơi ở, việc làm, thu nhập ổn định đủ điều kiện chăm sóc, giáo dục con. Ông C có thu nhập ổn định, mức cấp dưỡng bà L yêu cầu phù hợp với thu nhập, khả năng thực tế của ông C và nhu cầu thiết yếu của cháu T. Hội đồng xét xử xét, giao con chung cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông C có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Ngưu Thị Khánh L và ông Ngưu Minh C không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về nội dung vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà Ngưu Thị Khánh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình

Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân;

Luật Phí và Lệ phí, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngưu Thị Khánh L đối với bị đơn ông Ngưu Minh C về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, tranh chấp về cấp dưỡng cho con.

- Về hôn nhân: cho ly hôn giữa bà Ngưu Thị Khánh L và ông Ngưu Minh C.

- Về nuôi con chung:

+ Giao cháu Ngưu Minh T, sinh ngày 27/10/2018 cho bà Ngưu Thị Khánh L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ông Ngưu Minh C. có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu T mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng. Việc cấp dưỡng cho con thực hiện từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

+ Cháu Ngưu Thị Khánh L1, sinh ngày 22/01/2007 đã trưởng thành đủ 18 tuổi, các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Ngưu Thị Khánh L và ông Ngưu Minh C không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung nên Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí: Bà Ngưu Thị Khánh L, ông Ngưu Minh C mỗi người phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Riêng bà L được khấu trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0049646 ngày 15 tháng 12 năm 2025 tại Thi hành án dân sự Thành phố H.

3. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân;
- UBND xã Phú Giáo, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 44/2009 do Ủy ban nhân dân xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương cấp ngày 28/3/2009);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ánh Tuyết